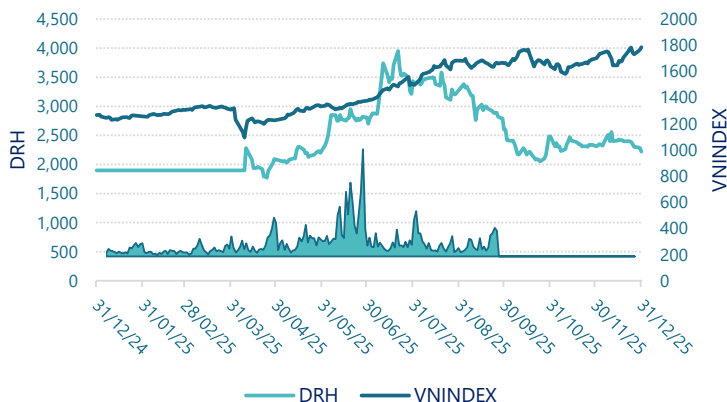




CTCP DRH Holdings (HSX: DRH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,220
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,770
SL cổ phiếu LH	123,707,866
KLGD BQ 20 phiên (CP)	552,160
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	275
P/E	17.6
EPS	126

DT thuần

Q4/25

2.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.80 | 157%

YoY: ▲ 2.45 | 491%

LN sau thuế

Q4/25

92.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 118 | 463%

YoY: ▲ 211 | 179%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2351%

+/- YoY: ▲ 4170%

DT thuần

2025

5.92

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.35 | 65.7%

LN sau thuế

2025

16.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 220 | 108%

ROE

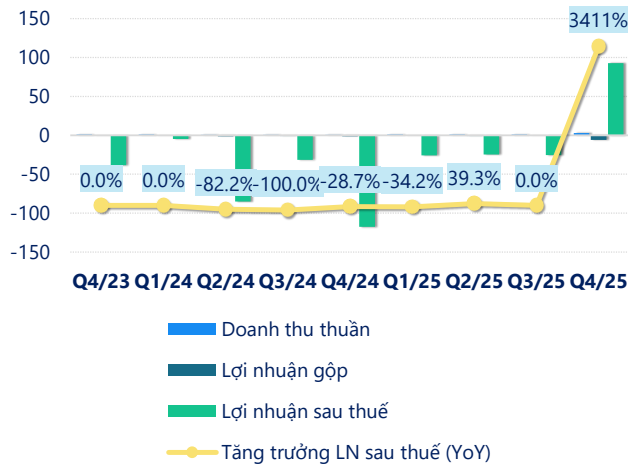
2025

1.2%

+/- YoY: ▲ 15.6%

tỷ VNĐ

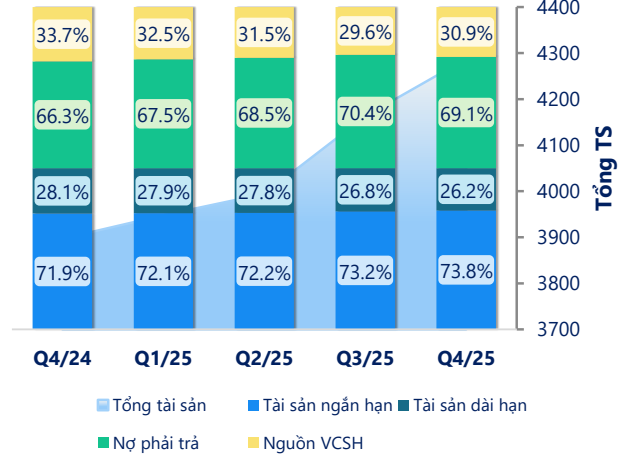
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

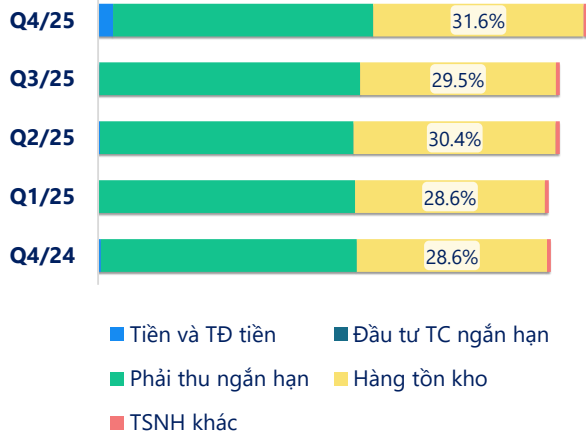
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



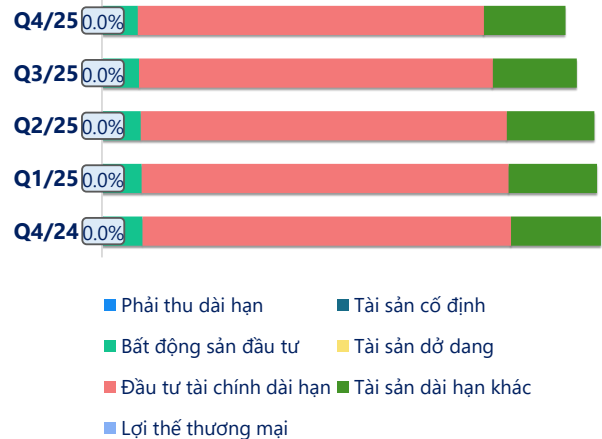
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

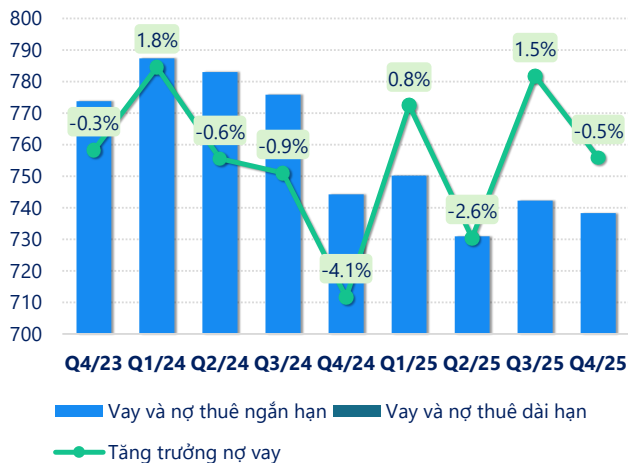
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

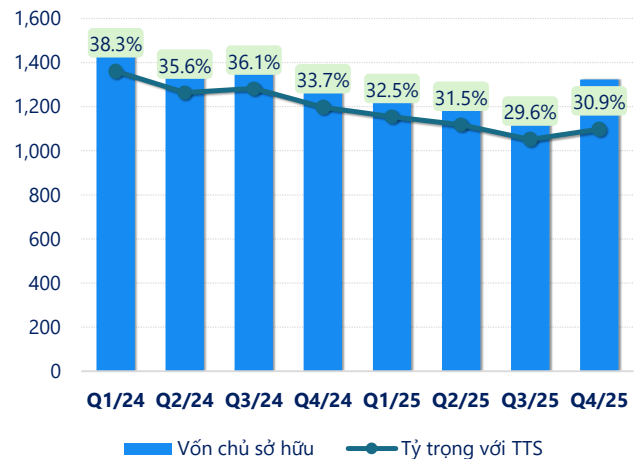
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

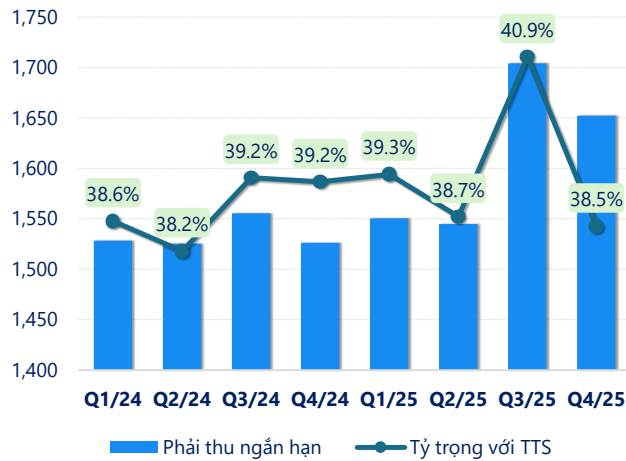
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



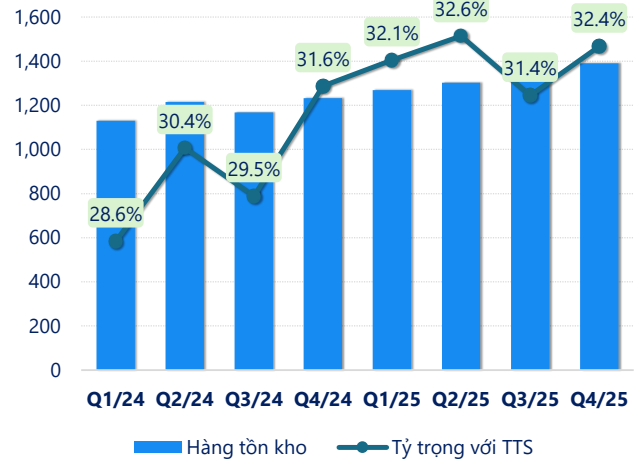
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


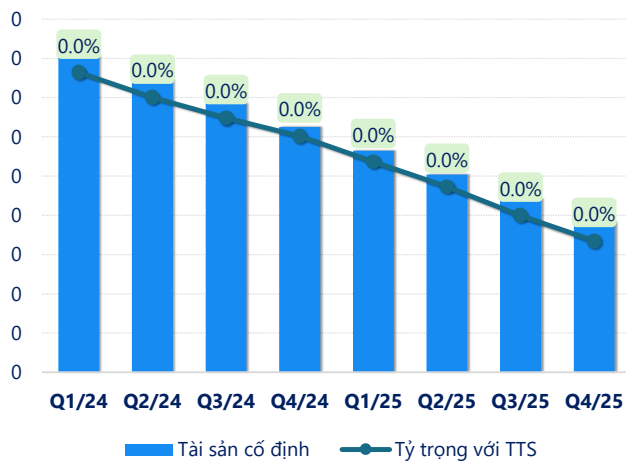
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


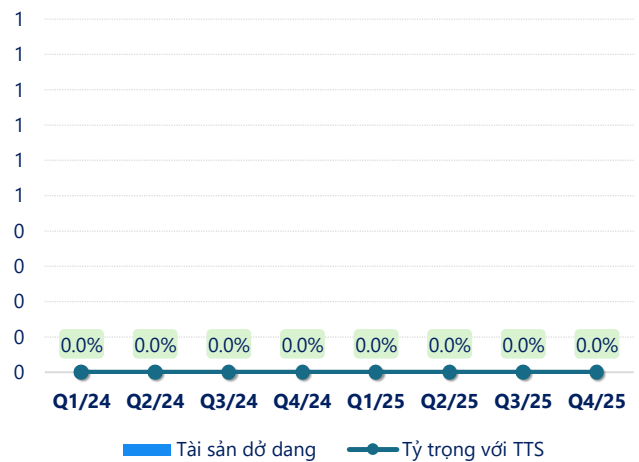
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

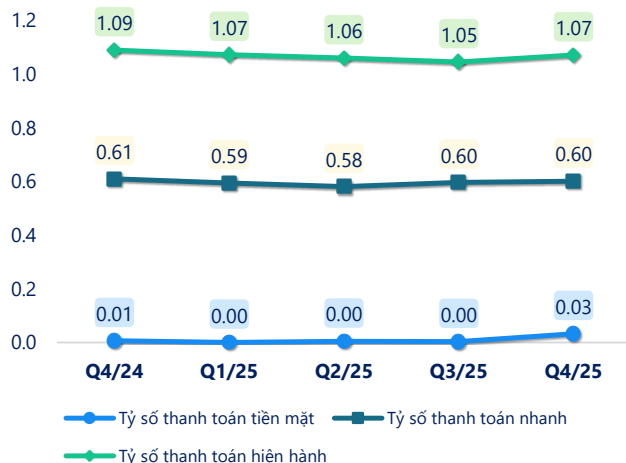
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

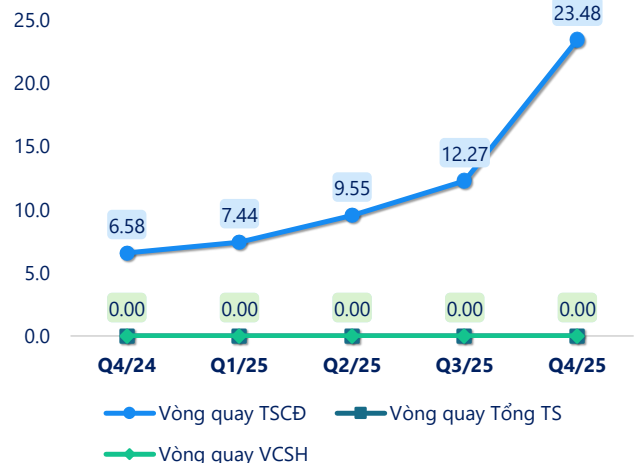
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,897	3,948	3,994	4,163	4,288
Tài sản ngắn hạn	2,800	2,845	2,885	3,048	3,166
Tiền và tương đương tiền	16.0	0.65	11.1	8.65	96.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,526	1,550	1,545	1,704	1,652
Hàng tồn kho	1,233	1,269	1,303	1,309	1,390
Tài sản ngắn hạn khác	25.0	25.1	25.6	26.2	27.8
Tài sản dài hạn	1,097	1,103	1,110	1,115	1,121
Phải thu dài hạn	2.80	2.31	2.07	2.10	2.07
Tài sản cố định	0.31	0.28	0.25	0.22	0.19
Bất động sản đầu tư	86.6	86.1	85.5	85.0	84.5
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	810	817	825	831	838
Tài sản dài hạn khác	197	197	197	197	197
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,584	2,667	2,738	2,932	2,964
Nợ ngắn hạn	2,570	2,652	2,722	2,916	2,957
Vay và nợ thuê ngắn hạn	744	750	731	742	738
Phải trả người bán ngắn hạn	82.5	83.6	84.1	101	83.1
Nợ dài hạn	14.2	14.4	16.1	16.1	7.33
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,313	1,281	1,256	1,231	1,323
Vốn chủ sở hữu	1,313	1,281	1,256	1,231	1,323
Vốn điều lệ	1,244	1,244	1,244	1,244	1,244
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)